

**CTCP GẠCH NGÓI CAO CẤP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2016/CBTT-MCC

V/v: Công bố thông tin  
BCTC soát xét bán niên 2016

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CTCP GẠCH NGÓI CAO CẤP
2. Mã chứng khoán: MCC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 246 KP. Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
4. Điện thoại: 0650.3658278 Fax: 0650.625379
5. Người thực hiện công bố thông tin: Hứa Ngọc Chính
- 6. Nội dung của thông tin công bố:**

Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2016 của CTCP Gạch Ngói Cao Cấp được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016

Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán (đính kèm công văn số 09/2016/CBTT-MCC ngày 12/08/2016)

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: gachngoicaocap.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu

**NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**

(Ký tên và đóng dấu)



HỨA NGỌC CHÍNH

Số: 09/2016/CBTT-MCC

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu  
kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng  
trước và sau soát xét

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên công ty: CTCP GẠCH NGÓI CAO CẤP
- Mã chứng khoán: MCC
- Địa chỉ trụ sở chính: 246 KP.Cây Chàm, P.Thạnh Phước, TX.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Nội dung của thông tin công bố:**

Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh trước và sau soát xét như sau:

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016		
	Trước soát xét	Sau soát xét	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.986.722.356	27.986.722.356	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>27.986.722.356</b>	<b>27.986.722.356</b>	-
4. Giá vốn hàng bán	16.761.487.569	16.977.467.689	215.980.120
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>11.225.234.787</b>	<b>11.009.254.667</b>	<b>(215.980.120)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	156.149.056	156.149.056	-
8. Chi phí bán hàng	198.972.256	52.877.824	(146.094.432)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.103.329.045	2.615.961.169	(487.367.876)
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>8.079.082.542</b>	<b>8.496.564.730</b>	<b>417.482.188</b>
11. Thu nhập khác	47.009.090	1.554.545	(45.454.545)
12. Chi phí khác	88.465.649	1.009.267.470	920.801.821
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>(41.456.559)</b>	<b>(1.007.712.925)</b>	<b>(966.256.366)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>8.037.625.983</b>	<b>7.488.851.805</b>	<b>(548.774.178)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.764.072.951	1.641.088.115	(122.984.836)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(143.317.754)	(143.317.754)	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>6.416.870.786</b>	<b>5.991.081.444</b>	<b>(425.789.342)</b>

Giá vốn hàng bán tăng: Do trích bổ sung chi phí dời cát kẹt tại mỏ sét

Chi phí bán hàng giảm: Do giảm khoản trích trước chi phí quảng cáo

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm: do điều chỉnh giảm tiền thuê đất bổ sung của các năm trước.

Thu nhập khác giảm: Do bù trừ khoản thu nhập từ thanh lý TSCĐ với giá trị còn lại của TSCĐ.

Chi phí khác tăng : Do phát sinh khoản chi phí tiền thuê đất nộp bổ sung của các năm trước theo thông báo đơn giá thuê đất số 2786/TB-CT ngày 22/02/2016 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

=> Từ những lý do nêu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán giảm 425.789.342 đồng

Địa chỉ Website đăng tải nội dung CBTT: gachngoicaocap.com

**Trân trọng kính chào !**



Giám Đốc

*Đỗ Thành Lộc*



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

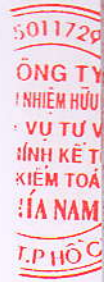
**Báo cáo tài chính**

**Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2016**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Theo Phương Pháp Trực tiếp)	09 - 09
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 40



<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số chứng chỉ</b>	<b>Ngày cấp</b>
Ông Mai Văn Chiến	Chủ tịch	1803/2011	
Ông Huỳnh Thanh An	Thành viên	1803/2011	
Ông Phạm Ngô Cơ	Thành viên	1803/2011	
Ông Trần Thiện Tài	Thành viên	1803/2011	
Ông Đỗ Xuân Lạc	Thành viên	1803/2011	

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao cấp trình bày Báo cáo tài chính soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03/08/2016) và vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 50.161.240.000 đồng.

**Trụ sở của Công ty:** 246 Khu phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3.658.278

Fax: 0650.3.625.379

### Hoạt động chính của Công ty:

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

### Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

### Hội đồng quản trị Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	19/03/2011	-
- Ông Huỳnh Thanh Sơn	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	-
- Ông Phạm Ngũ Cơ	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	-
- Ông Trần Thiện Thế	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	-
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

### Ban giám đốc Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Giám đốc	05/12/2014	-
- Ông Trương Văn Hiên	Việt Nam	Phó Giám đốc	05/12/2014	-

### Ban kiểm soát:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	19/03/2011	-
- Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	-
- Bà Trần Thị Thu Hương	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	-

### Kế toán trưởng:

<u>Họ và tên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Hứa Ngọc Chính	Việt Nam	01/12/2006	-

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác soát xét cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính soát xét đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**MAI VĂN CHÁNH**



Số: 480 /BCKT/TC/AASCS/2016

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016 từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban giám đốc**

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc





cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS

Tổng Giám Đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0064-2013-142-1

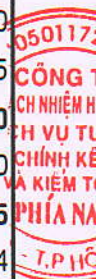
qđ 1/16	qđ 30/6/16	qđ 30/9/15	qđ 30/6/15
A. Tài sản ngắn hạn	100	100	100
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	101	101	101
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	102	102	102
3. Hàng tồn kho	103	103	103
4. Tài sản ngắn hạn khác	104	104	104
B. Tài sản dài hạn	200	200	200
1. Tài sản cố định hữu hình	210	210	210
2. Tài sản cố định vô hình	220	220	220
3. Quyền sử dụng đất	230	230	230
4. Tài sản dài hạn khác	240	240	240
5. Tài sản dài hạn khác	250	250	250
6. Tài sản dài hạn khác	260	260	260
7. Tài sản dài hạn khác	270	270	270
8. Tài sản dài hạn khác	280	280	280
9. Tài sản dài hạn khác	290	290	290
10. Tài sản dài hạn khác	300	300	300
11. Tài sản dài hạn khác	310	310	310
12. Tài sản dài hạn khác	320	320	320
13. Tài sản dài hạn khác	330	330	330
14. Tài sản dài hạn khác	340	340	340
15. Tài sản dài hạn khác	350	350	350
16. Tài sản dài hạn khác	360	360	360
17. Tài sản dài hạn khác	370	370	370
18. Tài sản dài hạn khác	380	380	380
19. Tài sản dài hạn khác	390	390	390
20. Tài sản dài hạn khác	400	400	400
21. Tài sản dài hạn khác	410	410	410
22. Tài sản dài hạn khác	420	420	420
23. Tài sản dài hạn khác	430	430	430
24. Tài sản dài hạn khác	440	440	440
25. Tài sản dài hạn khác	450	450	450
26. Tài sản dài hạn khác	460	460	460
27. Tài sản dài hạn khác	470	470	470
28. Tài sản dài hạn khác	480	480	480
29. Tài sản dài hạn khác	490	490	490
30. Tài sản dài hạn khác	500	500	500
31. Tài sản dài hạn khác	510	510	510
32. Tài sản dài hạn khác	520	520	520
33. Tài sản dài hạn khác	530	530	530
34. Tài sản dài hạn khác	540	540	540
35. Tài sản dài hạn khác	550	550	550
36. Tài sản dài hạn khác	560	560	560
37. Tài sản dài hạn khác	570	570	570
38. Tài sản dài hạn khác	580	580	580
39. Tài sản dài hạn khác	590	590	590
40. Tài sản dài hạn khác	600	600	600
41. Tài sản dài hạn khác	610	610	610
42. Tài sản dài hạn khác	620	620	620
43. Tài sản dài hạn khác	630	630	630
44. Tài sản dài hạn khác	640	640	640
45. Tài sản dài hạn khác	650	650	650
46. Tài sản dài hạn khác	660	660	660
47. Tài sản dài hạn khác	670	670	670
48. Tài sản dài hạn khác	680	680	680
49. Tài sản dài hạn khác	690	690	690
50. Tài sản dài hạn khác	700	700	700
51. Tài sản dài hạn khác	710	710	710
52. Tài sản dài hạn khác	720	720	720
53. Tài sản dài hạn khác	730	730	730
54. Tài sản dài hạn khác	740	740	740
55. Tài sản dài hạn khác	750	750	750
56. Tài sản dài hạn khác	760	760	760
57. Tài sản dài hạn khác	770	770	770
58. Tài sản dài hạn khác	780	780	780
59. Tài sản dài hạn khác	790	790	790
60. Tài sản dài hạn khác	800	800	800
61. Tài sản dài hạn khác	810	810	810
62. Tài sản dài hạn khác	820	820	820
63. Tài sản dài hạn khác	830	830	830
64. Tài sản dài hạn khác	840	840	840
65. Tài sản dài hạn khác	850	850	850
66. Tài sản dài hạn khác	860	860	860
67. Tài sản dài hạn khác	870	870	870
68. Tài sản dài hạn khác	880	880	880
69. Tài sản dài hạn khác	890	890	890
70. Tài sản dài hạn khác	900	900	900
71. Tài sản dài hạn khác	910	910	910
72. Tài sản dài hạn khác	920	920	920
73. Tài sản dài hạn khác	930	930	930
74. Tài sản dài hạn khác	940	940	940
75. Tài sản dài hạn khác	950	950	950
76. Tài sản dài hạn khác	960	960	960
77. Tài sản dài hạn khác	970	970	970
78. Tài sản dài hạn khác	980	980	980
79. Tài sản dài hạn khác	990	990	990
80. Tài sản dài hạn khác	1000	1000	1000

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29,628,224,532</b>	<b>25,800,681,629</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>13,146,925,714</b>	<b>9,690,679,792</b>
1. Tiền	111		3,146,925,714	1,690,679,792
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	8,000,000,000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2,292,830,274</b>	<b>1,478,499,732</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>6.2</b>	2,146,009,630	1,137,786,207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		122,181,200	74,700,000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>6.3.1</b>	24,639,444	266,013,525
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13,678,291,474</b>	<b>14,132,045,000</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>6.4</b>	13,678,291,474	14,132,045,000
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>510,177,070</b>	<b>499,457,105</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>6.6.1</b>	510,177,070	487,297,704
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	<b>6.9.2</b>	-	12,159,401
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>40,516,718,621</b>	<b>41,005,964,373</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>283,228,792</b>	<b>255,191,821</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	<b>6.3.2</b>	283,228,792	255,191,821
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6,476,788,157</b>	<b>6,585,868,486</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6.5</b>	6,476,788,157	6,585,868,486
- Nguyên giá	222		19,643,898,662	19,037,762,299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13,167,110,505)	(12,451,893,813)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33,756,701,672</b>	<b>34,164,904,066</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>6.6.2</b>	32,826,332,118	33,377,483,377
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>6.13.1</b>	930,369,554	787,420,689
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>70,144,943,153</b>	<b>66,806,646,002</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8,389,502,728</b>	<b>6,578,572,356</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8,074,894,393</b>	<b>6,310,194,132</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.7	1,261,058,923	951,523,006
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.8	451,739,574	11,084,365
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.9.1	4,418,331,720	3,498,443,766
4. Phải trả người lao động	314		667,430,116	172,648,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.10	-	282,000,000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.11	594,450,969	577,713,569
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		681,883,091	816,781,426
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>314,608,335</b>	<b>268,378,224</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	6.13.2	3,383,889	3,752,778
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	6.12	311,224,446	264,625,446
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>61,755,440,425</b>	<b>60,228,073,646</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.14</b>	<b>61,755,440,425</b>	<b>60,228,073,646</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50,161,240,000	46,683,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50,161,240,000	46,683,000,000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(730,457,045)	(730,457,045)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,487,049,830	6,845,362,752
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4,837,607,640	7,430,167,939
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		473,202,939	241,736,037
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		4,364,404,701	7,188,431,902
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>70,144,943,153</b>	<b>66,806,646,002</b>

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



Hứa Ngọc Chính

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Giám đốc



Đỗ Thành Lộc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	27,986,722,356	24,947,028,288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>27,986,722,356</b>	<b>24,947,028,288</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	16,977,467,689	16,494,762,033
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>11,009,254,667</b>	<b>8,452,266,255</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	156,149,056	105,255,099
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	7.6	52,877,824	308,320,431
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.7	2,615,961,169	2,014,655,698
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>8,496,564,730</b>	<b>6,234,545,225</b>
11. Thu nhập khác	31	7.4	1,554,545	-
12. Chi phí khác	32	7.5	1,009,267,470	182,801,520
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(1,007,712,925)</b>	<b>(182,801,520)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7,488,851,805</b>	<b>6,051,743,705</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	1,641,088,115	1,494,396,122
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.10	(143,317,754)	(89,497,287)
<b>17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>5,991,081,444</b>	<b>4,646,844,870</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.11	1,004	842
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.12	1,004	842

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Hứa Ngọc Chính

  
Hứa Ngọc Chính



Đỗ Thành Lộc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

( Phương pháp trực tiếp )

6 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		30,775,864,456	24,229,693,137
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12,504,141,142)	(11,431,724,405)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		(4,708,532,000)	(4,171,303,850)
4- Tiền lãi vay đã trả	04			-
5- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,598,960,449)	(822,116,808)
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		287,324,917	17,571,800
7- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(3,766,774,778)	(5,367,551,141)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8,484,781,004</b>	<b>2,454,568,733</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,837,759,999)	(280,000,000)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		50,000,000	-
3- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		157,993,501	72,110,586
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1,629,766,498)</b>	<b>(207,889,414)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1- Tiền chi trả nợ gốc vay	34			-
2- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,398,768,584)	(3,246,810,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3,398,768,584)</b>	<b>(3,246,810,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3,456,245,922</b>	<b>(1,000,130,681)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.1</b>	<b>9,690,679,792</b>	<b>9,726,081,851</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			1,102,847
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.1</b>	<b>13,146,925,714</b>	<b>8,727,054,017</b>

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hứa Ngọc Chính



Hứa Ngọc Chính



Đỗ Thành Lộc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****6 Tháng đầu năm 2016****1. Đặc điểm hoạt động của Công ty****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03/08/2016) với vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 50.161.240.000 đồng.

**Ngành, nghề kinh doanh:**

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác, khai thác cát xây dựng giữa các lớp sét tại mỏ sét.

**2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****2.1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc vào ngày 31/12/2007.

Các niên độ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3. Chế độ kế toán áp dụng****3.1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế

toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được ban hành theo thông tư 200, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016.

### **3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### **4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **5. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **5.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

**Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền** là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản Tiền gửi ngân hàng, Phải thu bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua và các khoản phải trả bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.

#### **5.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:****Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:**

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông quan bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

**Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:**

- Có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**5.4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:****Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.





**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

**Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	12	năm
Máy móc, thiết bị	08	năm
Thiết bị văn phòng	08	năm
Phương tiện vận tải	08	năm

### 5.5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

#### Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

### 5.6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**5.7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác****Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

**Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:**

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**5.8. Ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**5.9. Ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong nhiều năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 1 tại khu vực mở sết được phân bổ trên cơ sở tổng sản lượng được phép khai thác và sản lượng thực tế khai thác. Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 2 (chưa khai thác) thì chưa phân bổ chi phí này.

**5.10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

**Ghi nhận cổ tức :** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Trong kỳ, Công ty tạm phân phối lợi nhuận cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thưởng ban quản lý điều hành công ty, Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông (TM 6.14.1. Vốn chủ sở hữu).

**5.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**5.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

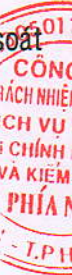
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

**Báo cáo tài chính**  
Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

	30/06/2016	30/06/2015
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.000.000.000	2.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
<b>4.2. PHỤ TẠO NHẬN NHẬN CỦA QUÁCH HỮU</b>		
	30/06/2016	30/06/2015
Công ty TNHH MTV VỊC LẬP SA XÂY DỰNG QUÁCH HỮU	1.104.773.407	370.111.824
Đại lý Nguyễn Thị Xuân	17.273.741.094	411.740.000
Hồ lý Công ty TNHH MTV TM DV KỸ THUẬT NGUYỄN	109.204.200	190.000.000
Bổ lương nhà	130.200.100	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.421.449.801</b>	<b>991.851.824</b>
Trang bị, phải thu của Nguyễn Thị Xuân và các đơn vị liên quan		
Công ty TNHH MTV VỊC LẬP SA XÂY DỰNG QUÁCH HỮU	1.104.773.407	370.111.824



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### 6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt (VND)	1,711,027,857	84,236,877
- Tiền gửi ngân hàng	1,435,897,857	1,606,442,915
+ Tiền gửi (VND)	1,433,899,358	1,604,444,416
+ Tiền gửi (USD)	1,998,499	1,998,499
- Các khoản tương đương tiền	10,000,000,000	8,000,000,000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng</i>	<i>6,000,000,000</i>	<i>4,000,000,000</i>
<i>Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>2,000,000,000</i>
<i>Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng</i>	<i>2,000,000,000</i>	<i>2,000,000,000</i>
<b>Cộng</b>	<b>13,146,925,714</b>	<b>9,690,679,792</b>

#### 6.2 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương	1,604,773,147	529,111,935
Đại lý Nguyễn Thị Xuân	273,741,064	411,160,000
Đại lý Công Ty TNHH MTV TM DV XD Mai Nguyễn	137,200,250	169,059,658
Đối tượng khác	130,295,169	28,454,614
<b>Cộng</b>	<b>2,146,009,630</b>	<b>1,137,786,207</b>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương	1,604,773,147	529,111,935
--	---------------	-------------

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 6.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>6.3.1. Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	7,720,000	-	997,000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	200,000,000	-
+ Đặt cọc mua đất mở sết	-	-	200,000,000	-
- Phải thu khác	16,919,444	-	65,016,525	-
+ Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	16,919,444	-	18,763,889	-
+ Phải thu lại BHXH - theo quyết toán BHXH	-	-	46,252,636	-
<b>Cộng</b>	<b>24,639,444</b>	<b>-</b>	<b>266,013,525</b>	<b>-</b>
<b>6.3.2. Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	283,228,792	-	255,191,821	-
+ Ký quỹ phục hồi môi trường mở sết Đồng Chính	283,228,792	-	255,191,821	-
<b>Cộng</b>	<b>283,228,792</b>	<b>-</b>	<b>255,191,821</b>	<b>-</b>

### 6.4 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	11,516,254,030	-	10,798,346,252	-
- Công cụ, dụng cụ	35,867,161	-	46,479,576	-
- Chi phí SXKD dở dang	316,740,941	-	205,611,898	-
- Thành phẩm	1,809,429,342	-	3,081,607,274	-
<b>Cộng</b>	<b>13,678,291,474</b>	<b>-</b>	<b>14,132,045,000</b>	<b>-</b>

#### Ghi chú:

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ;
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2016

**6.5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	12,104,569,494	6,105,974,478	795,818,182	31,400,145	-	19,037,762,299
Số tăng trong kỳ	776,136,363	-	-	-	-	776,136,363
- Mua trong kỳ	776,136,363	-	-	-	-	776,136,363
Số giảm trong kỳ (Thanh lý)	-	(170,000,000)	-	-	-	(170,000,000)
Số dư cuối kỳ	12,880,705,857	5,935,974,478	795,818,182	31,400,145	-	19,643,898,662
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	8,605,269,513	3,696,493,213	118,730,942	31,400,145	-	12,451,893,813
Số tăng trong kỳ	517,702,593	231,004,562	49,738,638	-	-	798,445,793
- Khấu hao trong kỳ	517,702,593	231,004,562	49,738,638	-	-	798,445,793
Số giảm trong kỳ (Thanh lý)	-	(83,229,101)	-	-	-	(83,229,101)
Số dư cuối kỳ	9,122,972,106	3,844,268,674	168,469,580	31,400,145	-	13,167,110,505
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	3,499,299,981	2,409,481,265	677,087,240	-	-	6,585,868,486
Tại ngày cuối kỳ	3,757,733,751	2,091,705,804	627,348,602	-	-	6,476,788,157

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
:	Không có	Không có
:	2,384,634,988	2,384,634,988
:	Không có	Không có
:	Không có	Không có
:	Không có	Không có



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 6.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>6.6.1. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bốc dỡ đất tầng phủ, khai mương, đắp đê tại mỏ sét Đồng Chanh	502,197,962	449,147,704
- Chi phí dời đất ủ, xà bần	-	38,150,000
- Chi phí khác	7,979,108	-
<b>Cộng</b>	<b>510,177,070</b>	<b>487,297,704</b>
<b>6.6.2. Dài hạn</b>		
- Chi phí đền bù mua đất mỏ sét Đồng Chanh	31,806,061,382	31,932,385,726
<i>Trong đó, chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của khu vực mỏ chưa khai thác (giai đoạn 2), chưa phân bổ chi phí.</i>	<i>20,602,671,500</i>	<i>19,618,661,500</i>
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn XDCB mỏ sét Đồng Chanh	411,602,626	452,396,722
- Chi phí pallet chất xếp sản phẩm	75,624,994	153,828,121
- Chi phí thay tole nhựa coposite trại phơi sấy	31,209,466	82,789,314
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	28,794,624
- Chi phí di dời cát kẹp tại mỏ sét	420,854,786	727,288,870
- Chi phí sửa chữa VP công ty	80,978,864	-
<b>Cộng</b>	<b>32,826,332,118</b>	<b>33,377,483,377</b>

### 6.7 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN Trọng Phát	416,759,966	416,759,966	479,688,000	479,688,000
DNTN Dưng Gò Công	20,800,000	20,800,000	208,725,000	208,725,000
Công Ty TNHH MTV Hoàng Khánh Ngọc	521,886,200	521,886,200	155,114,300	155,114,300
Công Ty TNHH MTV Đặng Ngọc Diễm Phương	208,719,859	208,719,859	90,496,808	90,496,808
Đối tượng khác	92,892,898	92,892,898	17,498,898	17,498,898
<b>Cộng</b>	<b>1,261,058,923</b>	<b>1,261,058,923</b>	<b>951,523,006</b>	<b>951,523,006</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 6.8. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ứng trước tiền mua đất sét	408,744,187	408,744,187	3,782,614	3,782,614
Ứng trước tiền mua gạch ngói	42,995,387	42,995,387	7,301,751	7,301,751
<b>Cộng</b>	<b>451,739,574</b>	<b>451,739,574</b>	<b>11,084,365</b>	<b>11,084,365</b>

### 6.9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>6.9.1. Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	255,240,944	1,995,120,064	1,818,101,506	432,259,502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,598,960,449	1,641,088,115	1,598,960,449	1,641,088,115
Thuế tài nguyên	73,263,069	590,511,998	494,531,977	169,243,090
Phí bảo vệ môi trường	13,416,000	113,824,000	95,298,000	31,942,000
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1,557,563,304	500,012,880	685,519,114	1,372,057,070
Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
Tiền thuê đất	-	1,084,280,018	368,369,450	715,910,568
Thuế TNCN	-	108,012,558	52,181,183	55,831,375
<b>Cộng</b>	<b>3,498,443,766</b>	<b>6,035,849,633</b>	<b>5,115,961,679</b>	<b>4,418,331,720</b>
<b>6.9.2. Thuế và các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	12,159,401	-	12,159,401	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12,159,401</b>	<b>-</b>	<b>12,159,401</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 6.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí khuyến mãi khách hàng đạt doanh số tiêu thụ gạch ngói	-	54,000,000
- Chi phí hội nghị khách hàng, hội nghị người lao động	-	153,000,000
- Chi phí khác	-	75,000,000
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>282,000,000</u>

### 6.11 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	138,054,479	138,054,479
- Kinh phí công đoàn	41,642,610	15,659,680
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	50,000,000
+ <i>Cung cấp xỉ than đá</i>	-	50,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	414,753,880	373,999,410
+ <i>Thuế TNCN nộp hộ người bán đất</i>	392,292,610	372,612,410
+ <i>Khác</i>	22,461,270	1,387,000
<b>Cộng</b>	<u>594,450,969</u>	<u>577,713,569</u>

### 6.12 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí cải tạo phục hồi môi trường mỏ sét	311,224,446	264,625,446
<b>Cộng</b>	<u>311,224,446</u>	<u>264,625,446</u>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 6.13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>6.13.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
<b>Chênh lệch tạm thời</b>		
+ Chi phí hội nghị người lao động cơ sở, hội nghị khách hàng	-	282,000,000
+ Phí phục hồi môi trường mỏ sét	311,224,446	264,625,446
+ Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2,124,286,474	1,968,421,748
- <i>Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh</i>	2,809,805,588	3,145,450,194
- <i>Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã nộp</i>	(685,519,114)	(1,177,028,446)
+ Tiền đền bù đất mỏ sét và chi phí ban đầu	2,216,336,852	1,422,056,251
<b>Cộng</b>	<b>4,651,847,772</b>	<b>3,937,103,445</b>
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>930,369,554</u></b>	<b><u>787,420,689</u></b>
<b>6.13.2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
<b>Chênh lệch tạm thời</b>		
+ Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	16,919,444	18,763,889
<b>Cộng</b>	<b>16,919,444</b>	<b>18,763,889</b>
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b><u>3,383,889</u></b>	<b><u>3,752,778</u></b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 6.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 6.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>46,683,000,000</b>	<b>(730,457,045)</b>	<b>5,753,462,859</b>	-	<b>2,560,886,037</b>	<b>54,266,891,851</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	10,918,998,927	10,918,998,927
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1,711,007,132)	(1,711,007,132)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng BQL</i>	-	-	-	-	(1,091,899,893)	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	1,091,899,893	-	(3,246,810,000)	(3,246,810,000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>46,683,000,000</b>	<b>(730,457,045)</b>	<b>6,845,362,752</b>	-	<b>7,430,167,939</b>	<b>60,228,073,646</b>
(Số dư đầu năm nay)						
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	5,991,081,444	5,991,081,444
- Tăng vốn trong kỳ (trả cổ tức bằng cổ phiếu)	3,478,240,000	-	-	-	(3,478,240,000)	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(984,989,665)	(984,989,665)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, thưởng BQL</i>	-	-	-	-	(641,687,078)	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	641,687,078	-	(3,478,725,000)	(3,478,725,000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>50,161,240,000</b>	<b>(730,457,045)</b>	<b>7,487,049,830</b>	-	<b>4,837,607,640</b>	<b>61,755,440,425</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 6.14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty CP VL và XD Bình Dương	15,000,120,000	13,953,600,000
- Cổ phiếu quỹ (mệnh giá)	300,000,000	300,000,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	34,861,120,000	32,429,400,000
<b>Cộng</b>	<b>50,161,240,000</b>	<b>46,683,000,000</b>

### 6.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	46,683,000,000	46,683,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	3,478,240,000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	50,161,240,000	46,683,000,000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia (bao gồm cổ phiếu)	6,956,965,000	3,246,810,000

### 6.14.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,016,124	4,668,300
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,016,124	4,668,300
+ Cổ phiếu phổ thông	5,016,124	4,668,300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	30,000	30,000
+ Cổ phiếu phổ thông	30,000	30,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,986,124	4,638,300
+ Cổ phiếu phổ thông	4,986,124	4,638,300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

### 6.14.5. Cổ tức

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông :		

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 6.14.5. Cổ tức (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu :	7.5%/ cổ phiếu	không phát sinh
- Trả cổ tức bằng tiền mặt :	7.5%/ cổ phiếu	7%/ cổ phiếu
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi :	không phát sinh	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận :	không phát sinh	không phát sinh

### 6.14.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	7,487,049,830	6,845,362,752

## 6.15 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 6.15.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	89.02	89.02
- EUR	-	-



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

#### 7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
<b>DOANH THU</b>		
- Doanh thu bán gạch ngói	24,363,839,005	17,802,729,843
- Doanh thu bán đất sét, cát xây dựng	3,617,641,201	7,144,298,445
- Doanh thu bán hàng hóa	5,242,150	-
<b>Cộng</b>	<b>27,986,722,356</b>	<b>24,947,028,288</b>
<b>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (Cổ đông lớn)	8,707,299,617	5,953,128,694
<b>CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	-	-
<b>DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>27,986,722,356</b>	<b>24,947,028,288</b>

#### 7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Giá vốn sản phẩm gạch ngói	14,293,122,147	12,209,053,796
- Giá vốn đất sét, cát kẹp	2,679,118,269	4,285,708,237
- Giá vốn hàng hóa	5,227,273	-
<b>Cộng</b>	<b>16,977,467,689</b>	<b>16,494,762,033</b>

#### 7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Lãi tiền gửi	139,229,612	59,477,322
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	16,919,444	45,777,777
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
<b>Cộng</b>	<b>156,149,056</b>	<b>105,255,099</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 7.4 THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Thu nhập khác	1,554,545	-
<b>Cộng</b>	<b>1,554,545</b>	<b>-</b>

### 7.5 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí thanh lý tài sản	41,316,354	-
- Tiền cấp quyền KTKS bổ sung của các năm trước theo thông báo của tỉnh Bình Dương	-	182,801,520
- Chi phí tiền thuê đất bổ sung của các năm trước theo thông báo của tỉnh Bình Dương	966,256,366	-
- Chi phí khác	1,694,750	-
<b>Cộng</b>	<b>1,009,267,470</b>	<b>182,801,520</b>

### 7.6 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	61,196,000	36,631,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39,454,544	236,093,067
- Chi phí bằng tiền khác	(47,772,720)	35,596,364
<b>Cộng</b>	<b>52,877,824</b>	<b>308,320,431</b>

### 7.7 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1,898,710,263	1,489,362,190
- Chi phí vật liệu quản lý	25,374,491	8,660,356
- Chi phí đồ dùng văn phòng	37,652,728	27,809,089
- Chi phí khấu hao TSCĐ	52,188,084	52,188,084
- Thuế, phí, lệ phí	121,023,652	7,329,059



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 7.7 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	12,840,000	28,799,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	162,007,535	128,900,789
- Chi phí bằng tiền khác	306,164,416	271,607,131
<b>Cộng</b>	<b>2,615,961,169</b>	<b>2,014,655,698</b>

### 7.8 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7,024,706,800	5,638,438,985
- Chi phí công cụ	55,305,823	57,649,007
- Chi phí nhân công	6,335,125,914	5,396,212,925
- Chi phí khấu hao TSCĐ	798,445,793	707,812,287
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,674,666,529	3,485,395,306
- Chi phí bằng tiền khác	3,147,515,964	3,872,424,011
<b>Cộng</b>	<b>20,035,766,823</b>	<b>19,157,932,521</b>

### 7.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu Thuế năm hiện hành	1,641,088,115	1,494,396,122
<b>Cộng</b>	<b>1,641,088,115</b>	<b>1,494,396,122</b>

*Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:*

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,488,851,805	6,051,743,705
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Chênh lệch vĩnh viễn: Tăng (+), Giảm (-)	-	104,378,000

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

+ Chênh lệch tạm thời: Tăng (+), Giảm (-)	716,588,772	636,587,939
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau: (tiếp theo)</b>		
	<b>6 tháng</b>	<b>6 tháng</b>
	<b>đầu năm nay</b>	<b>đầu năm trước</b>
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	8,205,440,577	6,792,709,644
- Thuế TNDN hiện hành tính Trên thu nhập chịu Thuế năm hiện hành	1,641,088,115	1,494,396,122
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	1,641,088,115	1,494,396,122

### 7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<b>6 tháng</b>	<b>6 tháng</b>
	<b>đầu năm nay</b>	<b>đầu năm trước</b>
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản Chênh lệch tạm thời phải chịu Thuế	3,383,889	10,071,111
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(280,052,688)	(133,725,921)
- Thu nhập Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	137,103,823	37,179,468
- Thu nhập Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc Hoàn nhập Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3,752,778)	(3,021,944)
<b>Cộng</b>	<b>(143,317,754)</b>	<b>(89,497,286)</b>

### 7.11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<b>6 tháng</b>	<b>6 tháng</b>
	<b>đầu năm nay</b>	<b>đầu năm trước</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	5,991,081,444	4,646,844,870
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	984,989,665	743,495,179
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4,986,124	4,638,300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,004</b>	<b>842</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 7.12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	5,991,081,444	4,646,844,870
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	984,989,665	743,495,179
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4,986,124	4,638,300
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1,004</b>	<b>842</b>

### 8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

8.3 Thông tin về các bên liên quan

#### 8.3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Cổ đông lớn

#### 8.3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Thu nhập lương thưởng của HĐQT, BKS	404,100,000	390,713,000
Thù lao của HĐQT và BKS	405,906,000	358,262,000

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	9,578,029,579	6,548,441,567



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
	Đã thu tiền bán sản phẩm	8,502,368,367	6,558,393,410

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	1,604,773,147	529,111,935



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 9. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

#### 9.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán hoạt động kinh doanh của Công ty theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét, cát kẹp		Tổng
	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>					
- Doanh thu	24,363,839,005	17,802,729,843	3,617,641,201	7,144,298,445	27,981,480,206
- Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
- Giá vốn	14,293,122,147	12,209,053,796	2,679,118,269	4,285,708,237	16,972,240,416
- Lợi nhuận gộp	10,070,716,858	5,593,676,047	938,522,932	2,858,590,208	11,009,239,790
<b>Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>					
- Chi phí khấu hao trong kỳ	690,385,857	606,835,683	100,976,604	100,976,604	791,362,461
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	174,773,371	243,867,502	1,457,562,524	1,515,254,530	1,632,335,895
					24,947,028,288
					16,494,762,033
					8,452,266,255
					707,812,287
					1,759,122,032



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 9.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét, cát kẹp		Tổng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản bộ phận</b>						
- Tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá	17,503,003,965	16,896,867,602	2,140,894,697	2,140,894,697	19,643,898,662	19,037,762,299
Hao mòn lũy kế	11,867,238,324	11,252,998,236	1,299,872,181	1,198,895,577	13,167,110,505	12,451,893,813
Giá trị còn lại	5,635,765,641	5,643,869,366	841,022,516	941,999,120	6,476,788,157	6,585,868,486
- Chi phí trả trước dài hạn						
Giá trị ban đầu	1,404,420,125	1,307,245,489	44,624,306,556	45,674,521,272	46,028,726,681	46,981,766,761
Phân bổ lũy kế	1,216,606,801	1,041,833,430	11,985,787,762	12,562,449,954	13,202,394,563	13,604,283,384
Giá trị còn lại	187,813,324	265,412,059	32,638,518,794	33,112,071,318	32,826,332,118	33,377,483,377
- Tài sản không phân bổ						
- <b>Tổng tài sản</b>					<b>37,318,611,035</b>	<b>33,429,162,625</b>
					<b>70,144,943,153</b>	<b>66,806,646,002</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 10. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

#### 10.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

##### *a. Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm nay, các nghiệp vụ bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ là không đáng kể.

##### *Độ nhạy về ngoại tệ*

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

##### *b. Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### **c. Rủi ro về giá**

#### **Rủi ro về giá khác:**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

### **10.2. Rủi ro về tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không có khả năng thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### **a. Đối với khoản phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:  
+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty Cổ Phần Vật liệu và xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

- + Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.
- + Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

#### **b. Đối với tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **10.3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán	1,261,058,923	-	-	1,261,058,923
Phải trả người lao động	667,430,116	-	-	667,430,116
Chi phí phải trả	-	-	311,224,446	311,224,446
Các khoản phải trả khác	594,450,969	-	-	594,450,969
<b>Cộng</b>	<b>2,522,940,008</b>	<b>-</b>	<b>311,224,446</b>	<b>2,834,164,454</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	951,523,006	-	-	951,523,006
Phải trả người lao động	172,648,000	-	-	172,648,000
Chi phí phải trả	282,000,000	-	264,625,446	546,625,446
Các khoản phải trả khác	577,713,569	-	-	577,713,569
<b>Cộng</b>	<b>1,983,884,575</b>	<b>-</b>	<b>264,625,446</b>	<b>2,248,510,021</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 11. Tài sản đảm bảo

#### 11.1. Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### 11.2. Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13,146,925,714	9,690,679,792	13,146,925,714	9,690,679,792
Phải thu khách hàng	2,146,009,630	1,137,786,207	2,146,009,630	1,137,786,207
Trả trước cho người bán	122,181,200	74,700,000	122,181,200	74,700,000
Các khoản phải thu khác	307,868,236	521,205,346	307,868,236	521,205,346
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	1,261,058,923	951,523,006	1,261,058,923	951,523,006
Người mua trả tiền trước	451,739,574	11,084,365	451,739,574	11,084,365
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	667,430,116	172,648,000	667,430,116	172,648,000
Chi phí phải trả	-	282,000,000	-	282,000,000
Các khoản phải trả khác	905,675,415	842,339,015	905,675,415	842,339,015

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư dài hạn của Công ty và Công ty chưa có dự định nào để bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 13. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	42.2%	38.6%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	57.8%	61.4%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	12.0%	9.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	88.0%	90.2%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	1.60	1.50
Khả năng thanh toán nhanh	lần	2.00	1.80
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3.70	4.10
<b>Tỷ suất sinh lợi</b>			
		<b>6 tháng đầu năm nay</b>	<b>6 tháng đầu năm trước</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	26.8%	24.3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	21.4%	18.6%
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	10.9%	9.3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	8.7%	7.1%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	9.8%	8.2%

### 14. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2016

### 15. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs) kiểm toán cho năm 2015 bắt đầu từ 01/01/2015 kết thúc ngày 31/12/2015.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu trên Báo cáo soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) soát xét.

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



Hứa Ngọc Chính

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Giám đốc



Đỗ Thành Lộc

